Thăm Chồng Tại Trại Tân Lập

Bích Lan, K19/1

"Thương anh mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua."

Đường Sài Gòn - Hà Nội dài hơn 1700 km, có mấy núi, mấy sông, ngàn vạn cái đèo cũng không ngăn được bước chân những chinh phụ đi tìm chinh phu trong ngục tù của VC. Năm 1979, tôi từ Nam ra Bắc lần đầu tiên, xuống ga Hà Nội, tới bến xe Kim Liên để về Ninh Bình, quê chồng, nơi mà năm 1954 khi đình chiến anh mới được 12 tuổi mà đã một mình dám theo các cô chú họ hàng vào Nam, xa lìa cha mẹ anh em. Hơn 20 năm sau, anh trở về quê hương đất Bắc tay trong cùm, chân mang xích. Tôi đến Ninh Bình để đón mẹ chồng cùng lên thăm chồng tôi ở trại Tân Lập, vì bố mẹ chồng tôi đã thăm anh mấy tháng trước và đã biết được trại tù này.

Thân gái dặm trường nên khi xuống ga Hà Nội, tôi nhìn quanh để tìm bạn đồng hành. Tất cả lem luốc như có gì mặc nấy, thanh niên, thiếu nữ, ông già, bà lão v.v.. mặc giống nhau, cùng một mầu, mầu "bộ đội" với dép râu, nón cối, xe đạp. Tôi thoáng trông thấy một chị y phục tươm tất nổi bật trong đám đông ấy và có lẽ chị cũng cùng tâm trạng, cùng hoàn cảnh như tôi khiến chúng tôi tiến gần lại nhau. Chúng tôi là những chinh phụ đi tìm chồng giữa chốn "hỗn quân". Đám đông nhìn

chúng tôi, người Hà Nội nhìn chúng tôi với thái độ vô tình cảm, chỉ trỏ, soi mói, thì thào với nhau, họ biết chúng tôi là người từ miền Nam, người Sài Gòn, "vợ ngụy". Chúng tôi đứng với nhau một lúc cảm thấy mình không lẻ loi. Chị bạn có thân nhân ở Hà Nội đón, tôi lại cô đơn, một mình.

Ở bến xe Kim Liên, những đứa nhỏ bằng tuổi con tôi, từ 7 tới 10 tuổi, líu lo chen chúc quanh tôi nghe rất là dễ thương. Tôi đã nép mình sang một bên đường và nhường lối cho chúng đi qua nhưng vẫn bị chen lấn. Mấy phút sau chúng tản mát đâu hết, tôi chưa kịp hỏi han các em lời nào. Thấy các em, tôi nhớ đến con tôi, mới đi có mấy ngày mà nhớ con quá. Các con còn nhắc mẹ là nhớ hôn bố thay các con.

Tôi nhìn lại túi xách tay nhỏ, chết rồi! Tiền bạc và giấy tờ của tôi đã mất! Không lẽ những trẻ thơ chỉ bằng con mình đã lấy của mình rồi chăng? Nhưng ngoài các em ra, có ai chen lấn gì tôi đâu. Tôi đã mất đồ thật rồi! Trong cảnh bơ vơ, lần đầu tiên về quê chồng nơi xứ Bắc này tôi phải làm gì đây? Tôi vào đồn công an bến xe Kim Liên để khai báo. Mấy người công an tiếp tôi hờ hững như chẳng có chuyện gì quan trọng, như là chuyện thường ngày. Một người đưa cho tôi tờ giấy và cây viết, cộc lốc:

- Khai đi.

Mấy phút sau, tôi nộp lại tờ khai mất giấy tờ, tiền bạc và quan trọng nhất là giấy xin thăm nuôi, tên công an vừa đưa tờ giấy và cây viết cho tôi trước đó 15 phút quát:

- Tôi bảo chị mất cắp gì thì khai vào tờ giấy này. Còn lôi thôi gì nữa không?

- "Tôi khai rồi đây này." Tôi trả lời.

Hắn cầm tờ giấy lật qua lật lại, nhìn tôi chầm chầm, trong khi mấy tên ngồi gần đó và cả mấy tên đứng quanh đó trố mắt nhìn tôi. Một tên nào đó thốt lên:

- Nhanh thế!

Tôi không quan tâm tới gì họ nói, họ muốn "khai" bao nhiêu tôi "khai" cho họ là xong; nhưng trước mắt, không giấy tờ tiền bạc làm sao tôi về đến quê chồng và còn vào trại tù thăm chồng trong lúc khó khăn này!

Tôi đứng chơ vơ lẻ loi trong đám đông hỗn độn và hỗn hào trong bến xe, cùng tắc biến, tôi hỏi thăm đại một người trên đường về quê chồng. Trời thương, may gặp được người cùng làng của cha mẹ chồng, vài lời thăm hỏi, và biết hoàn cảnh của tôi, bác đã nhận lời giúp trả tiền xe và đưa tôi về nhà cha mẹ chồng. Bác an ủi tôi, bác bảo:

- "Bác là người cùng làng, cùng họ hàng nên cháu đừng sợ."

Tôi cảm thấy bớt cô đơn.

Ngồi trong cái xe cũ kỹ về Ninh Bình, đến một làng có ngôi thánh đường khá lớn, xa xa có dãy núi, trên đỉnh núi thật cao ấy có cây thánh giá sừng sững giữa trời. Làng của chồng tôi đây sao? Lấy chồng năm 20 tuổi tôi đã theo đạo của chồng. Trước khi vào nhà cha mẹ chồng, đi ngang qua ngôi thánh đường. tôi đã cầu xin Chúa cho được gặp chồng và xin cho anh được bằng an.

Xuống xe đầu làng, thấy một thanh niên đi tới, không chờ họ nói mà tôi hỏi trước:

- Này, em có phải là em của anh Chiến không?

- Sao chị biết? Cậu ta ngẩn người ra và hỏi lại tôi.

- Chị là chị Chiến đây, trông em giống anh ấy quá

Chú ấy chở hai giỏ quà sau xe, tôi đi bộ theo. Trên đường vào làng mọi người túa ra thăm hỏi. Những đứa trẻ miệng trầm trồ, có đứa còn nói lời chào "chào chị Chiến". Trẻ con ở đây lễ phép hơn. Cha mẹ chồng tôi đã vào Nam thăm mẹ con tôi năm 1977 nên tôi cũng không xa lạ với ông bà, tôi được sống trong những giây phút ấm áp đó.

Qua một đêm ở nhà cha mẹ chồng; họ hàng, dân làng đến

thăm hỏi, họ cũng muốn tìm hiểu đời sống của người miền Nam. Khách đầy nhà. Một người nói rằng hồi nhỏ học cùng lớp với chồng tôi, thấy tôi người Huế, nói với tôi:

- Này chị Chiến, năm 1973 đơn vị tôi bao vây một cái đồn ở Huế, nghe tin Chiến ở trong đó nên tôi rút quân không đánh nữa.

Thoáng nghĩ, "lại có mấy cái máy lạnh đặt ở công viên" nữa rồi, tôi trả lời anh:

- Ông xã tôi chỉ ở miền Nam, không có ở Huế.

Sáng hôm sau mẹ chồng tôi và tôi lại lên Hà Nội, đi xe lửa chợ từ Hà Nội lên Yên Bái, xuống ga Ấm Thượng, tầu chở người và súc vật chung, người và vật chen chúc hôi hám. Tôi và mẹ tôi không có chỗ ngồi vì phần đông là bộ đội, họ đã chiếm hết chỗ rồi. Họ nói chuyện như cãi lộn, hò hét, chửi thề, văng tục, chẳng biết nhường chỗ cho người già và phụ nữ. Tôi và mẹ tôi phải vịn thanh sắt, chân kẹp chặt giữ mấy giỏ đồ, đứng liên tục gần 10 tiếng đồng hồ từ 5 giờ chiều tới hơn 3 giờ sáng mới tới ga Ấm Thượng. Trong khi đó họ ngồi, họ chiếm cả chỗ để cho con heo con chó của họ.

Trong toa tầu ánh đèn lờ mờ, con tàu lắc lư, một tên bộ đội thừa cơ tranh sáng tranh tối, đưa tay sờ ngực tôi. Mẹ tôi đứng cạnh tôi trông thấy bà la lên:

- Ấy, ấy, đó là con dâu tôi đấy. Nó có chồng 3 con rồi đấy, mấy chú ơi.

Mặc cho bà la, chúng cười nham nhở và còn bảo:

- Thế à!

Khốn nạn, một xã hội man rợ, cả xã hội mặc một mầu mọi rợ, "mầu bộ đội", đầu đội nón cối, chân đi dép râu, cười nói khả ố, toa tầu chất đầy những thú vật.

Tôi nói mẹ đừng la nữa, tầu sắp đến ga rồi, coi chừng mấy giỏ quà giúp con.

Mẹ con tôi xuống ga Ấm Thượng và phải nằm chờ tới sáng, ga trống vắng lạnh lẽo, lại phải ở chung với chó, lợn, gà. Trời đêm mưa phùn, gió rét, tôi nghe tin hôm qua có một anh tù "cải tạo" bị chết đuối.

Bàng hoàng, xúc động, tôi ôm mẹ và khóc. Mẹ chồng tôi sau hơn ¼ thế kỷ mới gặp con, có biết bao điều để nói, nhưng cái nhiễu nhương trước mắt cũng chỉ biết cầu xin:

- "Cầu cho tất cả được bình yên trở về. Ngủ đi con, ngày mai còn phải đi đò rồi đi bộ mười mấy cây số vào trại. N ngủ đi con!"

Từ ga Ấm Thượng vào trại Tân Lập phải đi đò ngang qua sông Hồng nước chảy xiết, con đò mong manh xuôi theo giây cáp, tròng trành như sắp bị cuốn trôi đi theo dòng nước. Lên đò lại phải đi bộ gần 20 cây số đường rừng, bùn đất gập gềnh. Mẹ tôi thấy tôi đi không nổi nên cứ dành gánh những gói quà. Vào tới trại thì đã xế chiều, trình giấy tờ, lại phải ngủ qua đêm trong khí hậu núi rừng lạnh thấu tim gan để qua ngày hôm sau mới được gặp anh! Lại một đêm trăn trọc, đêm đầy tiếng kẻng. Mỗi lần nghe tiếng kẻng từ trong trại dội ra là tôi lại ôm mẹ, nghĩ tới anh qua hình ảnh các bạn anh mà tôi đã thấy trên đường vào trại, các anh cũng đã vui mừng khi nhìn thấy chúng tôi nhưng không còn vóc dáng ngày nào, an phận! Chịu đựng! Vậy là hết rồi sao!

* * *

Sau 15 phút ngồi đối diện với chồng, có mẹ chồng bên cạnh, tôi chẳng nói được gì với anh cả. Chúng tôi chỉ mới nói chuyện gia đình mạnh khỏe, con cái học hành là đã hết 15 phút! Chỉ muốn nắm tay anh mà cũng chẳng được vì tên cán bộ ngồi đầu bàn cứ chằm chặp nhắc nhở "anh chị phải giữ nếp sống văn hóa"! Văn hóa gì đây hỡi trời?

Chồng tôi nhận quà, tôi chỉ dặn được vài câu anh cố gắng giữ sức khỏe thế nào cũng có ngày đoàn tụ, còn chồng tôi thì nói em cố gắng lo cho các con, đừng lo cho anh.

Chồng tôi lại phải vào trại, anh đi được vài bước, quay lại, bước đi, ngoái cổ lại phía sau. Lòng tôi bối rối, đau như cắt, thình lình tôi gọi to:

- Anh!

Chồng tôi dừng lại, tôi chạy thật nhanh, ôm chầm lấy chồng và hôn anh, hôn lấy hôn để. Tên cán bộ nhìn thấy thế, ú ớ:

- Ơ cái anh chị kia, nhớ giữ gìn nếp sống văn hóa chứ.

Mấy người tù trẻ, có lẽ là tù hình sự, đứng vỗ tay như là ở cái xã hội Bắc Kỳ này chuyện vợ chồng hôn nhau chỉ có trong phim. Mặc cái gì là văn hóa, cái gì là nội qui, nhớ chồng quá, ai nói gì mặc kệ, bao năm xa cách, đi từ Nam ra Bắc cũng chẳng được cầm tay mà chỉ ngồi nhìn nhau 15 phút thôi sao! Tình người và tình vợ chồng ở nơi đây cũng trở thành gỗ đá ư!

Cái hôn đầu tiên, ngày nào ấy năm 1968, anh đã ôm hôn tôi sau bánh xe jeep, còn tôi chỉ biết chịu trận, run rẩy. Ngược lại, hôm nay trong hoàn cảnh éo le này, chồng tôi chỉ như khúc cây để cho tôi sờ mặt, hôn anh trong một phút bất thần vì nhớ nhung. Không biết khi vào trại anh có bị hình phạt gì không? Sau này, những khi ôn lại chuyện thăm chồng, vợ chồng tôi đã đùa với nhau là hai cái hôn sấm sét. Anh có biết trải bao đoạn đường từ Nam ra Bắc mới được nhìn người yêu, mới được ôm vội vàng nửa phần đời trong tích tắc mà mấy tên cán bộ đang xỉ vả mình đây này.

- ***Nhưng em quyết đi thăm anh, tìm anh, và em đã được gặp anh.***

Dù vất vả, mọi gian nan đã xẩy ra trên đường đến thăm anh, dù đã vượt quá sức chịu đựng của em, nhưng em đã mãn nguyện là anh còn sống, và em đã được ôm và được hôn anh dù chỉ trong phút giây. Trên đường trở về, lâu lâu mẹ chồng tôi lại ôm vai tôi, nhìn tôi và mỉm cười./.

Hồi Ký:

Du Học Hoa Kỳ 71-72.

Trần Xuân Hiền, Văn Hóa Vụ

Tình hình chính trị biến chuyển, hòa đàm đang họp ở Paris, quân đội Hoa Kỳ sắp rời VN, quân lực VNCH sắp đảm nhận thêm nhiệm vụ nặng nề, VBQG đang chuyển hướng, chương trình huấn luyện SVSQ đuơc nâng lên bốn năm để đào tạo một thế hệ sĩ quan vừa có khả năng quân sự, vừa có khả năng văn hóa và kỹ thuật chuyên môn để đáp ứng tình thế mới của đất nước.

Tôi cũng như một số sĩ quan VBQG được gởi du học Hoa Kỳ để lấy văn bằng Master. Sau một khóa học Anh ngữ ở Sai Gòn, tôi chờ ngày lên đường. Mọi thủ tục ghi tên đại học và nội trú đại học đều do cơ quan USAID đảm nhận.

Trước khi rời quân trường, tôi được lệnh trình diện Bộ Chỉ Huy để được Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ, Chi Huy Trưởng TVBQGVN ban huấn thị. Lần đầu tiên được trình diện Thiếu Tướng Chỉ Huy Trưởng, tôi không khỏi khớp. Ông to lớn, uy phong lẫm liệt. Sau đôi lời hỏi thăm, ông nói vắn tắt:

- "Trung úy được quân trường gởi đi du học thì cố gắng giữ quân kỷ và học chóng để về phục vụ quân trường."

Rời Bộ Chỉ Huy, tôi tự nhiên cảm thấy như có quả tạ

ngàn cân đè nặng trên người, bởi vì tôi học ngành Speech Communication mà Anh ngữ của tôi còn khiêm nhường, lỡ theo học không kịp bị gọi về nước thì mặt mũi nào dám gặp lại vợ con và bạn bè . Nhưng rồi mộng phiêu lưu và những chân trời xa lạ lôi cuốn, tôi gác bỏ niềm lo âu và hăng hái lên đường.

Tôi được Đại Học Georgia thâu nhận nhập học vào tháng 6/71. Vợ con tôi đưa tiễn ở phi trường Tân Sơn Nhất. Vì hưởng học bổng quân đội MAP (Military Assistance Program) tôi đi chung chuyến máy bay với quân nhân Hoa Kỳ hồi hương. Tôi mặc lễ phục mùa Hè, hai cầu vai mang cấp bậc trung úy với hai hoa mai vàng chói cùng với dây biểu chương, và ngực gắn 3 chiếc huy chương: Chương Mỹ Bội Tinh, Huấn Vụ Bội Tinh, và Chiến Dịch Bội Tinh. Tôi không khỏi cảm thấy chút tự hào.

Tôi ngồi cạnh một anh binh nhì Mỹ non choẹt. Anh ta thân mật chào hỏi:

- "Hồi nãy tôi thấy vợ con anh ở phòng khách."

- "Anh đã có bạn gái chưa?" Tôi vui về hỏi lại.

- "Dạ có rồi,"

Anh ta trả lời bằng tiếng Việt trước sự ngạc nhiên của tôi, giọng phát âm không dấu như đa số người ngoại quốc vừa loay hoay rút chiếc ví ở túi quần, rồi mở ra khoe với tôi tấm hình đen trắng một cô gái VN khoảng 18 tuổi, nét mặt bình dị trong chiếc áo chemise trắng và chiếc quần đen.

- "Anh gặp bạn gái ở đâu?"

- "Dạ ở Pleiku." Anh trở lại nói tiếng Anh, "Tôi đóng quân ở Pleiku, hàng ngày bạn gái tôi đến lãnh giặt áo quần. Bạn gái

tôi không biết tiếng Anh và tôi cũng không đọc được tiếng Việt, mỗi lần nhận được thơ ai thì nhờ tôi đọc. Tuy tôi không hiểu nhưng tôi đánh vần được. Tôi về Mỹ giải ngũ và sẽ xin trở lại làm việc sở USAID trong một thời gian để dồn tiền, rồi sẽ đưa bạn gái đi du lịch, trước khi trở về sống ở Hoa Kỳ."

Tôi nghĩ thầm đây là một tâm hồn VN đầu thai nhầm làm người da trắng.

Chiếc phi cơ 707 cất cánh ở phi trường Tân Sơn Nhất lúc 10 giờ sáng, bay ngang Thái Bình Dương, chỉ ghé 2 nơi là Yokohama, Nhật Bản, và Fairbank - Alaska, rồi đáp xuống phi trường quân sự Travis Airbase, California vào 8 giờ tối hôm sau. Tôi ngủ tại nhà sĩ quan vãng lai trong phi trường.

Trước khi rời Sài Gòn, tôi được USAID phát cho một tập hồ sơ gồm vé máy bay, xe bus, chèque chi tiêu và một lịch trình ghi từng ngày từng giờ khi đến Mỹ. Suốt một ngày ngủ gà, ngủ gật trên máy bay nên tôi ngủ mê man, khi choàng thức dậy thì đã hơn 10 giờ sáng. Giật mình vì trễ chuyến xe bus ra sân bay rồi, tôi hoảng hốt đến quầy hỏi cô tiếp đãi viên phải làm thế nào bây giờ. Khi nhìn vé xe bus cô nói hôm này còn sớm một ngày, thì ra đồng hồ ở Mỹ đi sau Sài Gòn 24 tiếng. Tôi mừng rỡ và mắc cỡ, vì mình bị hớ như anh chàng đi du lịch vòng quanh thế giới trong 80 ngày của nhà văn Jules Verne. Tuy nhiên tôi vẫn yêu cầu cô đánh thức dùm tôi vào 6 giờ sáng ngày mai. Hôm sau vì quá lo lắng, tôi đã dậy trước khi người phục vụ da đen đến gõ cửa.

Sáng hôm sau chiếc Greyhound bus đưa tôi ra phi trường San Francisco, qua những con con đường tuyệt đẹp, một bên là những vườn cam trĩu quả vàng ối, một bên là vịnh San Francisco bao phủ sương mù, xe chạy qua chiếc cầu treo Goldengate vĩ đại. Phi trường San Fancisco to lớn, cao hai, ba tầng với vô số cửa khởi hành, máy bay đậu sát, hành khách lên máy bay bằng đi trong những chiếc hành lang nối liền với máy bay. Vào nội địa, tôi đến Washington D.C trên chiếc máy bay

723 của hãng TWA.Tại phi trường Foster Dulles kiến trúc rất tân kỳ, tôi được một bà trong Hội Phụ Nữ Chí Nguyện đón và gọi Taxi dùm. Tôi ngụ tại Hotel President giữa trung tâm thủ đô. Một người porter chạy ra xách valise. Đây là lần đầu tiên tôi đóng vai du khách tặng tiền tipping.

Tôi qua sớm bốn tuần trước ngày nhập học, nên có dịp may được hướng dẫn thăm viếng một số cơ sở và đền đài thủ đô Hoa Kỳ, như tòa Bạch Ốc. Tòa nhà này trông không lớn hơn Dinh Độc Lập Sài Gòn. Du khách được vào thăm viếng tầng chính, chẳng có lính canh gác nghiêm nhặt như các nước có chiến tranh, chỉ có một cảnh sát đứng ở cổng nhỏ dành cho du khách, và một cảnh sát khác ở phòng tiếp khách giữ dùm máy hình, hay áo choàng. Hôm sau chúng tôi được thăm viếng các nơi khác như Quốc Hội trên đồi Capitol, Congress Library (Thư Viện Quốc Hội), Tối Cao Pháp Viện, nhà đúc tiền, đền kỷ niệm Abraham Lincoln, ngôi nhà của Tổng Thống Washington ở Mt Vermont.

Tháp Obelisk xây bằng đá cẩm thạch trắng cao vút trên vòm trời xanh thủ đô gọi là Washington Memorial, ở trong lòng có cầu thang máy lên tận đỉnh, du khách có thể nhìn bao quát thủ đô Hoa Kỳ. Quảng trường Mall là nơi tấp nập du khách đến viếng thăm những viện bảo tàng và phòng triển lãm gần đấy, như viện Bảo Tàng Lịch Sử, phòng triển lãm nghệ thuật, viện Smithsonian... Và một danh thắng để lại một xúc động sâu xa trong lòng tôi là Nghĩa Trang Quốc gia Arlington. Đó là một ngọn đồi thoai thoải rộng lớn, nơi an nghỉ hàng ngàn tử sĩ, trên mỗi nấm mồ có cắm chiếc thánh gía và lá cờ Hoa kỳ nhỏ xíu. Ngôi mộ chiến sĩ vô danh bằng cẩm thạch đen, luôn luôn có hai Thủy Quân Lục Chiến vác súng đi lại oai nghiêm, bên cạnh là ngôi mộ của Tổng thống Kennedy lát bằng đá hoa cương đơn giản với ngọn lửa thiêng bất diệt.

Tôi nhớ lại Sài Gòn cũng có Nghĩa Trang Quân Đội, cạnh xa lộ Biên Hòa với bức tượng Thương Tiếc gây cho du khách một nỗi xúc động sâu xa. Tôi có dịp gặp anh Nguyễn Thanh

Thu, nhà điêu khắc pho tượng này ở trại "học tập" Trảng Lớn, Tây Ninh. Anh nói lần đổ khuôn thứ nhất thất bại, lần thứ nhì phải khấn vái anh linh các chiến sĩ mới thành công. Pho tượng kích thước rất lớn, anh nói cái bi đông (bình nước uống) có thể chứa một người nằm co thì đủ rõ bức tượng cao chừng nào. Người mẫu là một quân nhân có thật, anh này bỏ mình một thời gian sau đó. Có người nói anh đã lột xác để nhập vào bức tượng; còn dân chúng trong vùng nói vào những đêm trời mưa gió âm u, bức tượng chảy nước mắt. Sài Gòn mất và bức tượng không còn nữa.

Sau gần một tháng ở thủ đô Hoa Kỳ, tôi về Đại Học Georgia thuộc thành phố Athens. Máy bay đỗ xuống phi trường Atlanta, từ đây tôi đi xe Greyhound bus về Athens mất 2 tiếng. Thành phố Athens nhỏ, một đôi nơi còn sót lại vài ngôi nhà cổ thời nội chiến Nam Bắc với hàng cột vôi trắng đàng trước như ngôi nhà trong phim Gone With The Wind (Cuốn Theo Chiều Gió), khí hậu ấm áp, một năm chỉ có vài ngày tuyết rơi.

Một lớp học của sinh viên sĩ quan.

Đại Học Georgia là một đại học lớn của tiểu bang Georgia lập ra từ đầu thế kỷ 19. Khu campus rộng lớn có xe bus riêng để giúp sinh viên di chuyển kịp giờ đến các lớp học ở xa. Trong campus (khuôn viên của trường) có nhiều dãy lầu dormitories (ký túc xá), sinh viên năm thứ nhất bắt buộc phải sống trong campus để làm quen tập tục đại học. Tôi ở tầng 6 một dormitory tân thời mới cất cao 10 tầng giống như khách sạn Caravelle ở đường Tự Do, Sài Gòn và chia phòng với một sinh viên Mỹ theo lời yêu cầu của tôi hồi còn ở Việt Nam để trau dồi thêm Anh ngữ.

Anh ta là một giáo sư đi học vào mùa Hè để lấy bằng Master. Bạn gái của anh là nữ thư ký ở Fort Benning hàng ngày tiếp xúc với sĩ quan VNCH đang thụ huấn ở đó, nên tôi chẳng còn xa lạ đối với anh.

Dạo đó, phong trào phản chiến đã lắng dịu vì cuộc hòa đàm đang họp ở Paris, tuy nhiên chúng tôi được khuyên nên tránh xa những nơi tụ tập đông đảo và các ông già bà lão. Một hôm tôi vào cửa hàng hớt tóc, ông phó cạo già hỏi tôi người nước nào. Khi hay tôi người VN ông hỏi ngay một câu khiêu khích:

- "Chiến tranh VN là vấn đề nội bộ của các anh. Tại sao thanh niên Hoa kỳ sang đó chiến đấu? Thế anh làm gì ở đây?"

Chẳng chút suy nghĩ, tôi trả lời ngay:

- "Đây không phải lần đầu tiên quân đội Hoa Kỳ được gởi ra ngoại quốc để bảo vệ thế giới tự do. Đó là một nhiệm vụ và một vinh dự cho thanh niên Hoa Kỳ. Tôi là sĩ quan VN, tôi sống ở đây, hay đang làm gì không phải là công việc của ông."

Ông già im lặng có vẻ bực bội.

Tôi học ngành Speech Communication. Đại học Georgia theo chế độ quarter, nên mỗi học kỳ rất ngắn. Tôi được giáo sư cố vấn tức là vị khoa trưởng hướng dẫn học hai chứng chỉ đầu tiên là Rhetorical Speech (hùng biện) và Psychology of Speech. Department of Speech (phân khoa Ngôn Ngữ) trông khiêm nhường, các phòng học chật hẹp, lớp học non 10 người, hầu hết là giáo sư trung học đi học thêm vào mùa Hè. Các môn học không có gì hấp dẫn, cái trở ngại lớn đối với tôi là Anh ngữ. Tối nào sau buổi cơm chiều, tôi cũng đến thư viện trong campus để đọc thêm tài liệu cho đến 11 giờ khuya mới về ngủ. Có hôm tôi chăm chú đọc tài liệu quên giờ thư viện đóng cửa, làm phiền cô thư ký đến nhắc nhỏ nhẹ làm tôi hổ thẹn. Máy điều hòa không khí quá lạnh. Nằm co ro dưới tấm vải trải giường vì chưa có thì giờ đi shop sắm chiếc mền len, tôi thao thức khó ngủ vừa lo sợ không học nổi trong khi thằng roommate (cùng phòng) ngáy khò ngon giấc.

Sau một tuần thấm mệt, tôi đến gặp vị giáo sư phụ tá khoa trưởng vừa là giáo sư môn chính, tôi trình bày nỗi khó khăn về Anh ngữ; mặt khác tôi nói tôi có cảm tưởng môn học không đáp ứng tham vọng của tôi, tôi muốn học những lý thuyết ăn nói hùng hồn và những xảo thuật để bẻ gãy luận lý của đối phương. Khi nghe tôi khai cấp bậc trung úy, ông đưa tay lên màng tang chào đùa vừa nói thời Thế Chiến II ông nhập ngũ với cấp bậc binh nhì. Ông là một vị giáo sư đáng mến hiểu được nỗi khó khăn của tôi. Ông trả lời một cách đẹp lòng, chẳng khác gì một nhà ngoại giao:

- "Anh biết được tiếng Việt và tiếng Anh là anh biết được hai ngôn ngữ. Hơn tôi, anh đọc được, nói được và hiểu được tiếng Anh, đó là điều anh có đủ. Chúng tôi chẳng đòi hỏi gì hơn. Về những xảo thuật anh muốn học tôi sẽ giúp anh tìm kiếm ở thư viện. Riêng đại học Hoa Kỳ tôn trọng tinh thần dân chủ và đạo đức không chấp nhận những phương pháp ngụy biện trái với tinh thần trên; còn hùng biện là thuộc về phân khoa Theatre & Drama (Hí Viện & Kịch Nghệ). Tôi có phụ trách môn Speech ở đó, tôi sẽ dẫn anh đến dự một lớp để anh có một ý niệm."

Lời nói của ông cởi mở được một phần nào nỗi lo lắng của tôi.

Môn Speech buồn tẻ, nên chẳng có mấy người học, thường là môn nhiệm ý cho các sinh viên ngành Giáo Dục, Business, hay Politics & Administration (Kinh Doanh, Chính Trị & Quản Trị). May mắn các vị giáo sư đều tốt và thân mật. Một hôm ông Dean Rusk, cựu Ngoại Trưởng Hoa Kỳ được mời nói chuyện. Ông là người thành phố Atlanta, già nua và khiêm tốn, và nói chuyện chẳng chút hấp dẫn. Ông đến và đi lặng lẽ chẳng có ai đón tiếp. Tôi mới quay sang hỏi người bạn bên cạnh:

- "Một chính khách Hoa Kỳ sao chẳng có ai đón tiếp gì cả?"

- "Ông già đó được mời đến nói chuyện là may lắm rồi."

Anh ta bĩu môi trả lời.

Tôi thấy môn học buồn tẻ và không giống như tham vọng của mình. Cái tham vọng đi ra nước ngoài, để học những lý thuyết Communication mới lạ để về huấn luyện cho SVSQ trong chính sách giành dân, không còn nhiệt tình như trước nữa. Tôi cảm thấy thoáng một chút nản lòng, và từ đó dẹp bỏ tham vọng ngông cuồng, nên tôi chọn những môn dễ dàng để có thể học xong sớm, nhất là trước những biến cố dồn dập như Mùa Hè Đỏ Lửa và hoà đàm Paris sắp kết thúc. Tôi nóng lòng hồi hương.

Tôi học vất vả, nhưng may mắn vượt qua được các cửa ải. Sau khi hoàn tất chương trình học trong hai năm, tôi đã học đủ credits để thi lấy bằng Master. Tôi dự kỳ thi vào đầu tháng 12/72, mà không có chút hồi hộp. Tôi đã đỗ. Khoảng một tuần sau cơ quan USAID gởi cho tôi vé máy bay và hành trình về nước. Tôi đến gặp vị giáo sư khoa trưởng, tức là giáo sư cố vấn của tôi để cám ơn và từ giã. Ông khen ngợi:

- "Tôi mới gặp anh đó mà bây giờ anh đã học xong và sắp về nước."

Khi tôi ngỏ lời với ông là tôi có cảm tưởng như chưa học được gì nhiều, ông vui vẻ nói:

- "Anh tiến bộ nhiều so với hồi anh mới đến gặp tôi."

Phần tôi, tôi biết tôi học xổi chưa chín, nhưng tôi có mảnh bằng Master thì không còn sợ tủi hổ với vợ con và bạn bè. Ông mời tôi về nhà ăn cơm và khuyên tôi nên ráng ở lại chờ đến mùa Xuân năm sau để dự lễ phát văn bằng, vì đó là một ngày vinh dự của người sinh viên. Tôi nói tôi nhớ gia đình và cần về nước để phục vụ quê hương.

Tôi rời Georgia thoáng một chút buồn. Tôi trở lại Washington để lấy vé máy bay ở Pentagon vào giữa tháng 12 năm 72, rồi bay về Travis Airbase, San Fracisco nơi tôi đã đặt chân đầu tiên trên xứ Mỹ cách đây gần hai năm.

Tôi phải chờ máy bay ở Travis Airbase hai tuần và ăn Christmas trong căn cứ, hàng ngày có xe bus đưa ra phố San Francisco. Đi lang thang một mình giữa thành phố to lớn, tôi cảm thấy cô đơn và nhỏ bé. Khu phố Tàu chẳng khác một khu phố Chợ Lớn. Vài ngày sau có hai sĩ quan Hải Quân đến và cũng chờ máy bay. Thấy tôi than sốt ruột muốn về sớm thì một người nói nói:

- "Tôi mà được đi học như anh thì tôi học cù chầy, cù mài cho đến khi bị đuổi về mới thôi. Thử hỏi về nước làm gì được sung sướng như ở đây. Hay anh nhớ canh gác và ứng chiến?"

Tôi mỉm cười không đồng ý, và cảm thấy lúc bấy giờ tình gia đình và quê hương là một sợi dây ràng buộc vô hình khiến dù ở đâu sung sướng, tôi vẫn không thấy hạnh phúc.

Tôi rời California vào tối ngày 30 tháng 12/72. Khi phi cơ bay trên vịnh San Francisco, nhìn xuống thành phố lấp lánh như một thảm sao, tôi thoáng một chút tiếc nuối, vì mình không bao giờ được trở lại xứ này nữa. Khi máy bay ghé phi trường quân sự Manila nhỏ bé tôi cảm thấy cái nghèo nàn của Á châu. Rồi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất xơ xác và tàn tạ, tôi có cảm tưởng như Nguyễn Triệu trở về trần thế. Chiếc xe Dodge quân đội đưa tôi đến phòng khách gặp lại vợ con. Khi đó tôi mới choàng tỉnh và thầm nói đây là hạnh phúc và đây là quê hương của mình. Tôi ôm quàng lấy vợ con sau hai năm xa cách.

Trong thời gian ở Georgia, tôi gặp một vài cựu quân nhân Hoa kỳ đã phục vụ ở VN, tất cả đều có cảm tình với tôi. Một hôm đang đứng ở hành lang Khoa Speech (nói), một sinh viên đứng tuổi chạy lại bắt tay tôi vồn vã hỏi tôi có phải là người VN không? Anh ta mời tôi về nhà ăn cơm cuối tuần. Anh là sĩ quan hành chánh tài chánh, nhiệm sở cuối cùng của anh là căn cứ ở Tây Đức (lúc này Đức chưa thống nhất), nay đi học lại để trở về nghề dạy học.

Anh ta chỉ ở Sài Gòn có sáu tháng vào dịp Tết Mậu thân.

Tuy nhiên anh thích Sài Gòn và có cảm tình với dân VN. Rồi anh chở tôi đến một PX (cửa hàng quân đội) to lớn của căn cứ Thủy Quân Lục Chiến ở thành phố Augusta, cách xa trên 100 cây số để sắm thêm những thứ mà anh nghĩ tôi còn thiếu. Anh nói quân nhân VN được hưởng quyền lợi như quân nhân Hoa Kỳ. Sau khi mua hàng xong, tôi ra quầy hàng tính tiền thì cô đầm nhìn cái sự vụ lệnh do cơ quan MACV (Military Assistance Command, Vietnam) (Bộ Tư Lệnh Hỗ Trơ Quân Sự tại Việt Nam) cấp ngơ ngác không hiểu, anh mới nói vào tôi là invited visitor (khách được mời). Thế là tôi đang hưởng quy chế một du khách của chính phủ Hoa Kỳ!

Sinh viên sĩ quan đang chọn sách trong thư viện tại Trường Võ Bị.

Gần đại học Georgia có một trường tiếp liệu của Hải Quân (Navy Supply). Ở đây có một ông mục sư tuyên úy tin lành cấp bậc trung tá đã phục vụ ở VN. Ông hiền lành như một ông già VN; hễ mỗi lần có vài sĩ quan Hải quân VN sang thụ huấn là ông chở tôi đến gặp họ. Vào mùa Hè Đỏ Lửa 72, ông mời tôi về nhà ăn cơm vừa xem TV trận phản công của quân ta đẩy lui Việt Cộng ở Cổ Thành Quảng trị. Thấy ông vui mừng khen ngợi quân đội VN, tôi không khỏi hãnh điện. Căn nhà của ông trong căn cứ Hải Quân xinh xắn, ở lối đi vào chưng một con

voi sành Biên Hòa, và ở phòng khách treo bốn bức tranh sơn dầu tả cảnh sông nước Sài Gòn mà ông rất quý.

Cũng ở nơi đây tôi gặp một trung úy Hải Quân có vợ VN. Anh ta mời tôi về nhà ăn cơm cuối tuần. Người vợ người Sài Gòn, không nhan sắc lắm, tính tình hồn nhiên. Chị tâm sự:

- "Tôi làm sở Mỹ. Con gái lớn lên đều muốn có người đứng đắn đến hỏi. Mẹ tôi ưa kén rể VN, nhưng tôi chẳng chờ được. Chàng Mỹ này thương tôi và nhờ người làm mai mối. Vợ chồng chúng tôi hạnh phúc và mong muốn có một đứa con."

Trước khi về nước hai vợ chồng mời tôi ăn cơm trưa. Chị vợ muốn làm cơm VN, nhưng anh chồng giành làm món beefsteak đặc biệt. Sau buổi cơm hai vợ chồng lại chở tôi đến ăn cơm chiều ở nhà một người bạn cũng cưới vợ VN. Anh chàng này là cựu đại úy ban Tiếp Liệu ở Sài Gòn, nay trở lại đi học ngành Business ở Đại Học Georgia. Chị vợ nhỏ nhắn, nhan sắc bình dị, nhưng chị ta có tài làm bánh cuốn nhân thịt và nấm tai mèo ngon lành và trông chẳng khác bánh cuốn Sài Gòn. Anh chồng âu yếm nhìn vợ nói:

-"Nhà tôi rất khéo, hễ mỗi lần đi ăn ở nhà hàng nào là về bắt chước được ngay."

Khi từ giã ra về, tôi hỏi:

- "Chị có quà hay thư từ gởi cho ai ở Sài Gòn không?"

Chị trông có vẻ buồn và nhìn xa vắng:

- "Em chẳng có gì gởi anh cả, nhưng nếu anh có dịp đi ngang qua…, nơi người bạn thân em đang ở, nói giùm là em ở bên này hạnh phúc."

Giờ thì tôi đã biết chị đã có một mối tình buồn nên có những lý do riêng không muốn trở về thăm quê hương, dù rất nhớ.

Trong thời gian chờ máy bay về nước ở Travis Airbase, sau buổi cơm chiều ở mess hall (phòng ăn), tôi thả bộ lẻ loi một mình trong đêm Giáng Sinh. Bỗng một chiếc xe Jeep ngừng lại, một ông già hỏi tôi:

- "Sao mà cô đơn trong đêm Giáng Sinh? Hãy lên xe về ăn Christmas với gia đình chúng tôi."

Tôi lên xe và đề nghị ghé hàng rượu mua nửa chục lon la de. Khi tôi móc túi trả tiền thì ông ngăn tôi lại và nói tôi là khách. Cả nhà đều đi nhà thờ, tôi ngồi ngắm căn nhà và khen bàn ghế đẹp và khéo chưng dọn. Ông mới nói:

- "Tôi không giống một số đông người Mỹ khác. Tôi ăn tiêu dè xẻn, khi muốn sắm thứ gì tôi chờ hạ giá hay mua những thứ bị trầy trợt chút ít, như chiếc tủ chè này." Ông vừa nói vừa chỉ chiếc tủ có góc bị trầy. "Đến cả ăn uống, tôi không dám ăn rau tươi khi trái mùa."

Tôi nghĩ thầm ông già này có tâm hồn chẳng khác người Việt Nam.

Về nước đầu tháng Giêng 73, tôi lên quân trường trình diện Bộ Chỉ Huy Trường. Sau một vài ngày, tôi nhận được quân vụ lệnh bay ra Đà Nẵng để tham gia chiến dịch Giành Dân với Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị. Đoàn SVSQ đóng tại Trung Tâm Chiến Tranh Tâm Lý ở gần cầu Trịnh Minh Thế*. Chiến dịch sắp chấm dứt nên tôi chẳng được giao công tác nào. Tôi rất tiếc không đọc được phúc trình công tác của SVSQ Võ Bị, nhưng tác phong và kỷ luật của SVSQ được dân chúng Đà Nẵng ngợi khen và mến phục. Hai tuần sau sĩ quan và SVSQ trở về Đà Lạt trên chiếc máy bay quân sự C123.

Tôi đang tàn phai theo năm tháng. Mỗi khi nhớ lại thời du học Hoa Kỳ, tôi không khỏi tiếc nuối vì tôi đã học vội vàng và không đi đây đi đó nhiều. Thế giới Hoa Kỳ của tôi không đóng khung trong những Little Saigon hay những cuốn video Paris By Night mà là một thế giới đẹp quyến rũ với những dinh thự, những viện bảo tàng, những nhà chọc trời, những đại lộ đẹp đẽ, những khu đại học rộng lớn cổ kính và uy nghiêm, những vị giáo sư hiền hòa cởi mở và những người bạn chân tình. Tất cả tôi không bao giờ quên.

Mặc dù bây giờ tôi đang sống trên xứ Úc tôi có thể trở

lại thăm viếng Hoa Kỳ không khó khăn, nhưng tâm hồn tôi không còn trẻ nữa, làm sao tôi tìm lại được những kỷ niệm xưa? Vì thế, mỗi lần nhớ lại dĩ vãng, tôi không khỏi cảm thấy một chút tiếc nuối.

** Hiệp Định Paris được ký kết ngày 27/1/1973.*

Khóa 26 và Khóa 28 Tham Dự Công Tác Chiến Tranh Chính Trị, sau Hiệp Định Paris

Các Sinh Viên Sĩ Quan Tuấn K29, Phan Văn Ý K29, Tăng Xuân Tài K26, và Hà Tấn Diên K26, tháng 4, 1973. (từ trái).

Sau khi Khóa 29 hoàn tất mùa Tân Khóa Sinh, toàn thể sinh viên sĩ quan hai Khóa 26 và 29 được điều động tham dự công tác thông tin Chiến Tranh Chính Trị, giải thích Hiệp Định Paris cho dân chúng tại các quận, thị xã, và tỉnh thành như Quảng Trị, Thừa Thiên, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, và Quảng Tín từ tháng 3/73 đến 5/73. Công tác này bao gồm các buổi thuyết trình về đường lối và chính sách của chính phủ VNCH trước toàn thể đồng bào, các toán Nhân Dân Tự Vệ phường khóm, xã ấp, xen lẫn là chương trình văn nghệ đấu tranh.

Vì công tác chiến tranh chính trị này, Khóa 26 thay vì mãn khóa vào cuối tháng 12 năm 1973, Khối Văn Hóa Vụ đã yêu cầu dời ngày mãn khóa đến 18 tháng 1 năm 1974, cho đủ thời gian để hoàn tất chương trình văn hóa của năm thứ tư.

Tổng kết thời gian Khóa 26 thụ huấn tại trường là 4 năm 26 ngày, lâu nhất trong các khóa Võ Bị.

CSVSQ Đào Quý Hùng, K26
(Trích trong Tiểu Sử Khóa 26)

Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 28 tham gia công tác Chiến Tranh Chính Trị tại Quân Khu 1, 1972. (Cùng tham dự có Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 27).

TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN

Christina Cao, 14/2

Tất cả những ai từng đi học ở Việt Nam đều thuộc nằm lòng câu nói này từ khi còn tấm bé và đến khi lớn lên một chút thì đều hiểu rằng đó chính là phương châm giáo dục cốt lõi của dân tộc Việt.

Phương châm giáo dục này quan trọng đến mức nó vượt thoát trên mọi sự thay đổi chế độ chính trị xã hội. Tất cả mọi chế độ đất nước khác nhau đều không có ai dám loại bỏ nó ra khỏi học đường, bất luận họ có thật sự muốn điều đó hay không. Cho đến gần đây mới xuất hiện một giáo sư Cộng Sản nào đó lên tiếng muốn loại bỏ điều đó. Lời phát biểu của người này đã tạo ra một làn sóng phản đối mạnh mẽ từ người Việt Nam trên toàn thế giới, thuộc đủ mọi chính kiến khác nhau. Vậy "Tiên Học Lễ, Hậu Học Văn" là gì mà có thể khiến con người đồng lòng với nhau, vượt qua mọi quan niệm chính kiến riêng tư, mà bảo vệ nó như thế? Lễ là gì mà phải khiến con người sống chết với nó như vậy?

Câu tục ngữ TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN được nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ra đời ở Việt Nam hơn là Trung Quốc, vì người Trung Quốc có phần xa lạ với câu nói đó trong lúc người Việt thì thuộc nằm lòng. Một số nhà nghiên cứu cho

rằng nó có thể ra đời từ thời ông Chu Văn An. Nhưng đa số theo các nhà nghiên cứu thì cho rằng câu đó chỉ xuất hiện phổ biến rộng vào Thế Kỷ Thứ 19 và từ đó đã thành phương châm giáo dục cho người Việt Nam của chúng ta.

Ông Chu Văn An. một học giả nổi tiếng của Việt Nam vào thế kỷ thứ 13.

Thật ra người thứ nhất nói đến chuyện này là học trò của Tuân Tử. Ông này theo thầy Tuân Tử suốt năm năm, nhưng không hề chuyên tâm nghiên cứu văn chương như chúng bạn. Vì thế, thầy Tuân Tử mới hỏi:

- "Tại sao con không cùng chúng bạn nghiên cứu văn?"

Người này liền trả lời:

- "Thưa thầy, ở thầy có quá nhiều lễ nghĩa. Con để ý suốt ba năm mà vẫn chưa hiểu hết, chưa học hết được nên chưa đi đến nghiên cứu văn chương cùng bạn học."

Vậy Lễ là gì mà phải khiến cho một vị cao học mất suốt ba năm quan sát mà vẫn chưa hiểu hết và học hết được vậy? Nếu lễ đơn giản chỉ là khoanh tay vâng dạ, đi thưa về trình thì đơn giản quá, có chi đâu mà ông ấy phải nhọc tâm nhức óc như thế chứ?

Người Tây Phương dịch từ Lễ chỉ như là những nghi thức của xã hội, như là một nét văn hóa của nền văn minh Á Đông. Có đúng Lễ chỉ thuần túy là những nghi thức kinh điển của xã hội hay không? Trước khi đi sâu vào vấn đề này xin được phép nhắc chút xíu về định nghĩa văn hoá và văn minh. Theo người Tây Phương thì tất cả những kinh nghiệm, suy nghĩ, cảm giác nhận biết, hành động chung tượng trưng cho một vùng đất, một nhóm người thì gọi là văn hoá (culture). Trong khi đó, việc phát triển cao từ văn hóa cho việc xây dựng thể chế, quy

chế, cấu trúc xã hội thì gọi là văn minh (civilization).

Văn hóa như vậy bao gồm triết học, mỹ học, nghệ thuật, văn học...; trong khi đó văn minh bao gồm những thứ như luật pháp, định chế, lễ pháp, hay tổ chức xã hội. Văn hóa là do sự phát triển từ nội tại bên trong và văn minh là cho sự phát triển tổ chức xã hội và tương tác giữa người với người. Một xã hội văn minh chưa chắc mọi người đều có văn hóa, và một người có văn hóa chưa chắc đã có lối cư xử văn minh. Như vậy, văn hóa là con người bên trong với mọi tư chất tiềm ẩn, còn văn minh là con người bên ngoài với thái độ, hành động, thể hiện, và biểu lộ tình cảm. Cái tư chất văn hóa của con người bạn có thể nhìn không thấy mà cần gần gủi, nghiên cứu, và cảm thấy qua việc tiếp xúc. Nhưng nếu văn minh thì biểu hiện lồ lộ ra và bạn có thể quan sát và suy nghĩ về những điều mình thấy.

Nếu đặt lối định nghĩa về Văn Hóa và Văn Minh của người Tây Phương vào câu nói của học trò của ông Tuân Tử thì chúng ta nhận thấy có cái gì đó tương đồng giữa chữ "Lễ" và định nghĩa "Văn Minh". Cả hai thuộc về phạm trù ứng xử bên ngoài, tương tác giữa người với người, thái độ thể hiện, và hình thức thể hiện. Như vậy Lễ Pháp có nghĩa là những định chế văn minh. Chính vì vậy Khổng Tử từng nói:

- "Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động."

Nghĩa là:

- "Không hợp với lễ thì đừng nhìn, không hợp với lễ thì đừng nghe, không hợp với lễ thì đừng nói, không hợp với lễ thì chẳng nên làm."

Nếu hiểu theo định nghĩa hiện đại, ta có thể giải thích thành:

- "Không hợp văn minh thì đừng nhìn, không hợp với văn minh thì đừng nghe, không hợp với văn minh thì đừng nói, và không hợp với văn minh thì đừng làm."

Con người trọng lễ nghĩa hiểu theo quan niệm hiện đại là

con người văn minh khác với người phi lễ là người thô tục, rừng rú, và hoang dã.

Như vậy nếu đi sâu hơn vào Lễ, ta có thể giải thích một cách dễ hiểu và gần gũi với con người hiện đại học Tây Học rằng:

- Lễ Độ là thái độ ứng xử văn minh. Lễ Phép là cung cách, hành động ứng xử văn minh. Lễ Nghĩa là nội dung việc làm phù hợp với văn minh. Lễ Nghi là hình thức nhìn có văn minh. Phi Lễ nghĩa là kém văn minh vậy.

Nhưng Văn Minh là gì? Nó ra đời và thăng hoa từ văn hóa, vậy nên Văn Minh sẽ thay đổi theo thời gian và địa phương. Văn minh của thế kỷ 21 khác với thế kỷ thứ nhất. Văn minh của Tây Phương khác với văn minh của Đông Phương. Nhưng bất cứ nơi nào và thời đại nào cũng đều phải đề cao và hướng tới sự văn minh, vì trái với văn minh là hoang dã, là kém phát triển.

Lễ cũng như thế, nó thay đổi theo nền văn minh nhân loại và thay đổi theo địa phương.

Ở Tây Phương có Lễ không? Có quá nhiều đó chứ. Người Tây Phương rất đề cao thái độ ứng xử giữa người và tổ chức xã hội, nghĩa là rất đề cao Lễ Nghĩa. Chỉ có điều chỉ là họ không dùng chữ Lễ như ta dùng. Lịch sự là lễ, cư xử đúng với nhau là lễ, ứng xử có nguyên tắc là lễ, thể hiện con người có văn hóa là lễ, tôn trọng lẫn nhau là lễ, không kỳ thị phân biệt cư xử là lễ, báo chí phải tránh cái thô tục và bạo lực cũng là lễ... Vô số thứ thuộc về ứng xử xã hội được người Tây Phương định chế hóa, lễ nghi hóa. Phi lễ khi đó rất khó được họ chấp nhận, đôi khi còn bị xem là có tội. Nếu dùng khái niệm của Tuân Tử về lễ mà nói thì người Tây Phương "Dùng Lễ Để Trị" vậy.

Lễ quan trọng như vậy, vậy có phải lễ là hoàn thiện hay không? Thưa không, lễ là mặt thuộc về ứng xử, nó không là toàn diện một con người. Con người có thể có cái bên ngoài hết sức trọng lễ nhưng bên trong gian trá và người như thế

người ta gọi là ngụy quân tử. Đây chính là lý do trong phương châm Giáo Dục của dân tộc Việt, ông cha ta không chỉ nói đến lễ mà đặt song song lễ với văn. Trước phải học lễ để biết cách cư xử, với nhau, biết cách tổ chức xã hội, và biết cách tôn trọng mọi người. Nhưng sau đó phải học cái nền tảng xây dựng con người đó chính là văn hóa. Một con người có văn hóa mà kém văn minh thì thật sự rất khó gần. Một con người đầy văn minh nhưng vô văn hóa thì thật đáng sợ.

Không phải tự nhiên mà câu "TIÊN HỌC LỄ HẬU HỌC VĂN" có thể vượt ra ngoài giới hạn của chính kiến, của chế độ, và của thời gian mà tồn tại. Nó là một nét độc đáo của nền giáo dục Việt thật thụ.

Ngày nay trong trào lưu "Thoát Trung, Thoát Hán" nhiều người cho rằng quan niệm Nho Giáo là phản Dân Chủ và muốn trút bỏ bằng mọi giá với mọi cách. Thế nhưng người ta quên đi câu nói căn bản của Mạnh Tử: "DÂN VI QUÝ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH." Điều này có nghĩa là nếu bạn thật sự là người có tư tưởng Nho Giáo, bạn sẽ coi trọng dân chúng trên hết, trung dung trong khái niệm quốc gia, và xem nhẹ vua chúa, chủ tịch, tổng thống, đảng và nhà nước.

Bạn thấy ngày xa xưa trong chế độ quân chủ vẫn có những Nhà Nho vì bảo vệ dân lên tiếng can vua mà phải chịu chết thảm mà vẫn không sờn lòng. Khổng Tử xây dựng Nho Gia trên nền tảng Nhân Lễ Nghĩa, lấy con người và đạo đức làm gốc mà xây dựng nên hình ảnh người Quân Tử. Mạnh Tử nâng cao hơn, đề cao sự chí nhân và lòng Đại Nghĩa, xây dựng hình ảnh Bậc Trượng Phu hy sinh thân mình vì Đại Nghĩa. Từ đó ông đưa ra câu định chế bất hũ "DÂN VI QUÝ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH" làm khuông vàng thước ngọc cho việc xây dựng Nho Giáo. Nhưng cả Khổng Mạnh thực tế đều không được trọng dụng vì tư tưởng Quá Dân Chủ của họ.

Đến đời Hán Vũ Đế, rất rất lâu sau Khổng Mạnh, Đổng Trọng Thư mới viết lại và đề cao đạo Tam Cương làm định

chế xã hội. Từ đó rất nhiều người đời sau hiểu lầm cho rằng nền tảng tư tưởng Khổng Mạnh là Tam Cương hết sức phản động và phản Dân Chủ.

Trong thực tế nếu con người không có lòng nhân sẽ trở thành không cảm tính, hoặc tệ hơn đi đến độc ác với đồng loại. Con người Phi Lễ thì mất dạy, vô loại. Con người bất nghĩa thì vô trách nhiệm, vô đạo lý. Con người bất trí thì vô nhận thức, kém hiểu biết, ngu mà cuồng. Con người bất tín thì gian trá lưu manh phản phúc. Vậy mới thấy dù thích, hay ghét Khổng Tử người ta vẫn cần Nhân Lễ Nghĩa Trí Tín.

Còn nếu thiếu bậc Đại Trượng Phu chí nhân và Đại Nghĩa thì xã hội ai lo? Ai chịu hy sinh bản thân cho việc chung?

Khác với Khổng Mạnh là bậc Triết Gia, ông Đổng Trọng Thư là quan lại, tể tướng. Những gì ông ta làm đều nhằm phục vụ cho danh lợi bản thân và công việc cai trị.
Vì vậy khi nhìn lại qua khứ nên hay không chúng ta cần con mắt khách quan và trung dung mà nhìn nhận vào chi tiết thật sự từng vấn đề? Có như vậy mới tránh bị "Lố" bị "Cực Đoan" một chiều khi đánh giá./.